

# Xy lanh tròn DPRA-N-...-1 1/4"- -

Số bộ phận: 8109551

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hành trình                            | 0.0625 in...12 in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Ø pít tông                            | 1 1/4"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Ren thanh pít tông                    | 7/16-20 UNF-2A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Đệm                                   | không có đệm<br>Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Vị trí lắp đặt                        | bất kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                     | Pít tông<br>Cần piston<br>Thân vỏ xy lanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Phát hiện vị trí                      | cho các công tắc gần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Các biến thể                          | Nắp cuối có mắt xoay, xoay 90°<br>Nắp cuối với mắt xoay và măng xông ổ trục<br>Nắp cuối có mắt xoay<br>Dụng cụ nạo làm bằng NBR<br>Ren ngoài thanh pít-tông kéo dài<br>Thanh pít tông kéo dài<br>Nắp ổ trục có ren gần<br>Kết nối khí nén hướng trực<br>Cổng khí nén ngang<br>Với bảo vệ chống xoắn<br>Ty pít tông liền mạch<br>Ty pít tông rỗng liền mạch<br>Phạm vi nhiệt độ 0 đến + 150 °C<br>Phạm vi nhiệt độ -40 đến + 80 °C<br>thanh pít-tông một mặt |
| Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng           | Thanh pít tông lục giác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Áp suất vận hành                      | 9.99 psi...150 psi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Nguyên tắc vận hành                   | tác động kép<br>nhấn<br>tác động đơn lẻ<br>kéo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 1 - ứng suất ăn mòn thấp<br>4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -40 °F...300 °F                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| Đặc tính              | Giá trị                                       |
|-----------------------|-----------------------------------------------|
| trọng lượng sản phẩm  | 0.39 Lb...2.42 Lb                             |
| Kiểu gắn              | với đai ốc khóa<br>với phụ kiện               |
| Cổng nối khí nén      | 1/8 NPT                                       |
| Ghi chú vật liệu      | Tuân thủ RoHS                                 |
| Vật liệu phủ          | Hợp kim nhôm rèn<br>thép không gỉ hợp kim cao |
| Vật liệu của phốt     | FPM<br>NBR                                    |
| Vật liệu thanh piston | thép không gỉ hợp kim cao                     |
| Vật liệu vỏ xy lanh   | thép hợp kim không gỉ                         |